

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-10-2022

“V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời và ông Lê QuAg Khỏe

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu ThAnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 364/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2022 về trAnh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2022, quyết định hoãn phiên toà số 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 09/2B4 tập thể B M, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*có đơn đề nghị vắng mặt – vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn P**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 09/2B4 tập thể B M, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt lần thứ 2*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và Anh Đỗ Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/01/1999. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời giA hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh P mãi chơi dấn tới nợ nần nhưng lại không chịu lao động, thiếu sự lo toA chăm sóc vợ con. Bản thân chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng Anh P không thay đổi, cộng với việc nhiều người đến đòi nợ dẫn tới làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung gia đình tại nơi cư trú cũng như đơn vị chị công tác. Đã từ nhiều năm, vợ chồng tuy sống chung nhưng ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Tháng 3/2017 chị đã một lần khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn đề mong muốn anh sửa đổi nhưng trên thực tế anh P không thay đổi. Nay chị xét thấy quA hệ hôn nhân giữa chị và Anh P không đạt được mục đích

và không còn điều kiện để cải thiện nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho chị được ly hôn Anh P.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đỗ Văn A, sinh ngày 19/01/2003 và Đỗ Hải N, sinh ngày 10/9/2013. Đối với con chung Đỗ Văn A hiện đã đủ tuổi trưởng thành, đã tự lao động lo cho cuộc sống nên chị L không yêu cầu Tòa án phân định quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Đối với con chung Đỗ Hải N có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nên chị L đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nam cho đến khi đủ 18 tuổi. Khi ly hôn chị xác định anh P không có công việc và thu nhập nên chị tự nguyện không yêu cầu Anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đỗ Hải N.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ chị L giao nộp, Tòa án nhân dân thành phố H đã thụ lý yêu cầu khởi kiện, tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh P. anh P đã biết việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng không ký nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc, đồng thời cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ kiện.

Tại biên bản làm việc với đại diện khu dân cư số 9 nơi vợ chồng chị L anh P cư trú xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P đã diễn ra từ nhiều năm, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh P chơi bời, cờ bạc dẫn tới nợ nần và có rất nhiều người đến đòi nợ tại nơi chị L anh P cư trú làm mất an ninh, trật tự tại khu dân cư. Cũng từ việc chơi bời, nợ nần nên anh P mất việc làm, không có thu nhập nên không quan tâm gì đến cuộc sống của vợ con. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L vì tình trạng mâu thuẫn của chị L anh P không còn điều kiện để cải thiện.

Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị Nhuận là mẹ đẻ anh P xác định: anh P và chị L kết hôn là tự nguyện và có đăng ký. Trải qua quá trình chung sống vợ chồng chị L anh P phát sinh mâu thuẫn với nguyên nhân là do anh P chơi bời, cờ bạc dẫn tới nợ nần làm ảnh hưởng đến vợ con. Từ việc chơi bời, cờ bạc dẫn tới anh P mất việc làm, không có thu nhập để lo cho cuộc sống gia đình. Cho đến nay thì Anh P vẫn không thay đổi, bà Nhuận đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của chị L theo quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Đỗ Văn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn P.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L: Giao con chung Đỗ Hải N, sinh ngày 10/9/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Đỗ Văn P. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện gửi và phối hợp với khu dân cư nơi anh P cư trú tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn P để anh P thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự nên được coi là hợp lệ. Anh P đã nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký nhận và không đến Tòa án làm việc, đồng thời cũng không có văn bản thể hiện quan điểm gửi đến Tòa án. Do nguyên đơn chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã phối hợp với khu dân cư để giao cho anh P quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đối với anh P đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Anh P đã nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký biên bản cũng không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành thủ tục giao quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đối với anh P đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai, anh P đã nhận nhưng vẫn không ký và không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, tại

phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đỗ Văn P là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh P kết hôn là tự nguyện, đủ điều kiện và có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ kiện do Anh P không chấp hành tham gia giải quyết vụ kiện, không có văn bản gửi đến tòa án để thể hiện quaA điểm của mình. Do vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ vào chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập để đánh giá tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Thấy rằng, từ nhiều năm nay vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh P chơi bời dẫn tới nợ nần, mất việc làm không có thu nhập dẫn tới thiếu sự quaA tâm chăm sóc vợ con. Nội dung này chị L cung cấp phù hợp với quaA điểm của mẹ Anh P cũng như đại diện khu dân cư nơi chị L Anh P cư trú cung cấp. Năm 2017, chị L đã một lần khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn đề vợ chồng tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng cho đến nay mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Như vậy, có thể thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng là có thật, bản thân anh P cố tình vắng mặt không thể hiện ý thức trong việc tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn P đã kéo dài, đời sống chung không có hạnh phúc, không đạt được mục đích của hôn nhân và không còn điều kiện để cải thiện tình trạng mâu thuẫn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đỗ Văn P là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh P hai con chung là Đỗ Văn A, sinh ngày 19/01/2003 và Đỗ Hải N, sinh ngày 10/9/2013. Đối với con chung Đỗ Văn A hiện đã đủ tuổi trưởng thành, đã tự lao động lo cho cuộc sống, chị L không yêu cầu Tòa án phân định quyền nuôi dưỡng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Đối với con chung Đỗ Hải N có nguyện vọng muốn được ở với chị L trong khi chị L có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng. Thấy rằng, chị L là điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, là người có thu nhập trong khi Anh P không có việc làm và thu nhập nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L giao con chung Đỗ Hải N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Đồng thời cũng cần chấp nhận nội dung chị L không yêu cầu Anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đỗ Hải N cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị L và bị đơn Anh P có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn P.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Hải N, sinh ngày 10/9/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Đỗ Văn P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đỗ Hải N. Anh Đỗ Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở Anh P thực hiện quyền này.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000259 ngày 06/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương (*chị L đã nộp đủ án phí*).
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn Anh Đỗ Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- UBND phường P, thành phố H (để ghi vào sổ hộ tịch-GCNKH số 81/2019 ngày 09/10/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền